

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày: 04-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Duy K (tên gọi khác: V), sinh năm 1991 tại Bình Phước; nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M và bà Huỳnh Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số 283/2011/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 15 tháng 01 năm 2013; tại bản án số 15/2017/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 11 tháng 3 năm 2019; tại bản án số 84/2019/HSST ngày 23 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 30 tháng 10 năm 2020; ngày bị tạm giữ 02 tháng 3 năm 2023, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1982; nơi thường trú: Tổ A, khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1966; nơi thường trú: Bon B, xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nơi tạm trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Ông Trần Kim A, sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Duy K thường trú tại ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, K tạm trú tại nhà trọ thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. K đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 30, ngày 24 tháng 02 năm 2023, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại S màu đen trắng, biển số 72F1-118.75 đi từ nhà trọ thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đi đến thị xã C, tỉnh Bình Phước với mục đích kiếm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài, K chuẩn bị công cụ là 01 mỏ lết có kích thước 01 x 05 x 25cm màu trắng bạc. Khi đi ngang qua nhà bà Trần Thị Quỳnh N tại tổ A, khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước thấy nhà bà N khóa cửa, không người trông coi. K liền lấy mỏ lết đã chuẩn bị sẵn, bẻ khoen ổ khoá, sau đó K lén lút vào nhà lấy 01 ví da màu đen để trong tủ ở phòng ngủ của bà N bên trong có 5.000.000 đồng, 01 con heo đất màu vàng để trong tủ quần áo bên trong có 2.000.000 đồng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, màu trắng đen để ở phòng khách. Sau khi lấy trộm, K điều khiển xe mô tô về phòng trọ của mình ở khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. K đếm số tiền lấy trộm được là 7.000.000 đồng, còn máy tính bảng nhãn hiệu Ipad thì K cho vợ mình là bà Nguyễn Thị T sử dụng. Đối với số tiền 7.000.000 đồng lấy trộm được K tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 30, ngày 02 tháng 03 năm 2023, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, biển số 72F1-118.75 đi từ phòng trọ ở khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đến khu vực xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương với mục đích kiếm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài, K chuẩn bị công cụ là 01 mỏ lết có kích thước 01x05x25cm màu trắng bạc. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Thế S tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, thấy nhà ông S khóa cửa ngoài, không ai trông coi. K dùng mỏ lết để phá khoá cổng, K đẩy xe mô tô vào trong sân. Sau đó, K lén lút vào nhà lấy trộm

9.000.000 đồng để trong túi áo sơ mi treo trong tủ quần áo và 01 điện thoại di động R C1 màu xanh nằm ở phía cuối giường ngủ rồi điều khiển xe mô tô trở về phòng trọ của mình. Đến 08 giờ 30 cùng ngày, ông S phát hiện bị mất trộm nên đã trình báo công an xã T. Công an xã T phối hợp Đội cảnh sát hình sự trích xuất camera mời K về làm việc, K thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản. Tang vật thu giữ gồm: 9.000.000 đồng, 01 điện thoại di động R C1 màu xanh, 01 mỗ lét có kích thước 01 x 05 x 25cm màu trắng bạc, 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng biển số 72F1-118.75, 01 quần Jean dài màu xám, 01 áo thun màu đen, 01 áo khoác màu đen có chữ ICDN, 01 nón kết màu trắng, 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, 01 USB nhãn hiệu TOSHIBA, màu trắng, dung lượng 8GB (chứa hình ảnh được lưu từ camera nhà ông Nguyễn Thế Sao) là tài liệu chứng quan trọng của vụ án nên đưa vào hồ sơ làm tài liệu cho hồ sơ vụ án.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng quyết định nhập vụ án hình sự.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 3 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Chơn Thành kết luận: 01 máy tính bảng hiệu Ipad, màu trắng đen, trị giá 1.300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 3 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu R C1, màu xanh, đã qua sử dụng từ tháng 3 năm 2019, trị giá 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, số khung RLCS5C640CY773989, số máy 5C64773994, biển số 72F1-118.75, đăng kí lần đầu tháng 5 năm 2012, trị giá 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản.

Về xử lý vật chứng:

01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, màu trắng đen mà K lấy trộm vào ngày 24 tháng 02 năm 2023, đây là tài sản của bà Trần Thị Quỳnh N. Ngày 12 tháng 04 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả tài sản cho bà N.

Số tiền 9.000.000 đồng và 01 điện thoại di động R C1 màu xanh mà K lấy trộm vào ngày 02 tháng 03 năm 2023 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thế S. Ngày 01 tháng 04 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả tài sản cho ông S.

01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, số khung RLCS5C640CY773989, số máy 5C64773994, biển số 72F1-118.75 do ông Trần Kim A đứng tên chủ sở hữu. Ông Kim A khai nhận đã bán 01 xe mô tô nói trên cho cửa hàng ở Đồng Nai (không rõ địa chỉ). Qua làm việc K khai nhận đã mua

lại 01 xe mô tô nói trên vào năm 2022 ở cửa hàng xe máy cũ ở tỉnh Đồng Nai với giá 8.200.000 đồng, đây là tài sản chung của K và vợ là bà Nguyễn Thị T. Bà T không biết K sử dụng tài sản trên vào mục đích phạm tội.

Bà Nguyễn Thị T có hành vi sử dụng 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, màu trắng đen do K phạm tội mà có, bà T không biết đây là tài sản K lấy trộm mà có và đã tự nguyện giao nộp lại tài sản, không đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Quỳnh N yêu cầu Vũ Duy K bồi thường thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng, K đồng ý nhưng chưa có tiền để bồi thường, khi nào chấp hành xong hình phạt sẽ bồi thường sau.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Vũ Duy K đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSBB ngày 29 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Vũ Duy K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị: xử phạt bị cáo Vũ Duy K mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Về phần dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị: buộc bị cáo K bồi thường cho bị hại Trần Thị Quỳnh N số tiền 7.000.000 đồng; buộc bị cáo K trả lại cho bà Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, biển số 72F1-118.75, tương ứng số tiền 3.500.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, số khung RLCS5C640CY773989, số máy 5C64773994, biển số 72F1-118.75 là phương tiện bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mảnh có kích thước 01 x 05 x 25cm màu trắng bạc (đã qua sử dụng), 01 (một) quần Jean dài màu xám (đã qua sử dụng), 01 (một) áo thun màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo khoác màu đen có chữ

ICDN (đã qua sử dụng), 01 (một) nón kết màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh dương (đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo Vũ Duy K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại bà Trần Thị Quỳnh N vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố yêu cầu bị cáo Vũ Duy K bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Bị hại ông Nguyễn Thế Sao vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố bà T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng biển số 72F1-118.75 mà bị cáo Vũ Duy K sử dụng đi trộm cắp tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Kim A vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố không có yêu cầu.

Bị cáo Vũ Duy K nói lời sau cùng: trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã được cán bộ giáo dục, bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, bị cáo xin lỗi các bị hại. Mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về phụ vợ nuôi các con nhỏ, cha già và làm người công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định bị cáo Vũ Duy K thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 07 giờ 30 ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại tổ A khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, Vũ Duy K đã có hành vi lén lút lấy trộm 7.000.000 đồng và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, màu trắng đen trị giá 1.300.000 đồng của bà Trần Thị Quỳnh N. Tổng giá trị tài sản K lấy trộm của bà N là 8.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: vào khoảng 07 giờ 30, ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Vũ Duy K đã có hành vi lén lút lấy trộm 9.000.000 đồng và 01 điện thoại di động R C1 màu xanh trị giá 1.000.000 đồng

của ông Nguyễn Thế S. Tổng giá trị tài sản K lấy trộm của ông S là 10.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Vũ Duy K chiếm đoạt cả 02 lần của 02 bị hại là 18.300.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Vũ Duy K đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của 02 bị hại như đã phân tích nêu trên.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: từ năm 2011 đến năm 2019 bị cáo đã 03 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không tự khắc phục những sai lầm của bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cho thấy nhân thân của bị cáo là rất xấu.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phần lớn tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại, do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi trộm cắp tài sản liên tục xảy ra trên địa bàn huyện Bàu Bàng và các vùng giáp ranh địa phận huyện Bàu Bàng, hành vi ngày càng liều lĩnh, phức tạp. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về phần dân sự:

Ông Nguyễn Thế S đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị Quỳnh N yêu cầu bị cáo Vũ Duy K bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N. Do đó, buộc bị cáo K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại N số tiền 7.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S biển số 72F1-118.75. Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, biển số 72F1-118.75, trị giá 7.000.000 đồng. Bị cáo Vũ Duy K đồng ý hoàn trả cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị xe, do đó, buộc bị cáo K hoàn trả cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe tương ứng số tiền 3.500.000 đồng theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị T có hành vi sử dụng 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, màu trắng đen do Vũ Duy K phạm tội mà có, bà T không biết đây là tài sản do K phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp lại tài sản, hành vi của bà T không đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng:

01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng, số khung RLCS5C640CY773989, số máy 5C64773994, biển số 72F1-118.75 là phương tiện bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 (một) mỏ lết có kích thước 01 x 05 x 25cm màu trắng bạc (đã qua sử dụng), 01 (một) quần Jean dài màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) áo thun màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo khoác màu đen có chữ ICDN (đã qua sử dụng), 01 (một) nón kết màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh dương (đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về án phí: Bị cáo Vũ Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26, 27 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Duy K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2023.

3. Về biện pháp tư pháp:

Buộc Vũ Duy K bồi thường cho bà Trần Thị Quỳnh N số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Buộc Vũ Duy K trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mớ lết có kích thước 01x05x25cm màu trắng bạc (đã qua sử dụng), 01 (một) quần Jean dài màu xám (đã qua sử dụng), 01 (một) áo thun màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) áo khoác màu đen có chữ ICDN (đã qua sử dụng), 01 (một) nón kết màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh dương (đã qua sử dụng).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại S màu đen trắng; số khung RLCS5C640CY773989; số máy 5C64773994; biển số 72F1-118.75; dung tích xi lanh 110,3.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Duy K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết